



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH  
**TẠP CHÍ KHOA HỌC**

KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
Tập 15, Số 11 (2018): 5-20

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION  
**JOURNAL OF SCIENCE**

SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES  
Vol. 15, No. 11 (2018): 5-20

## TÌNH HÌNH DỊCH THUẬT VĂN HỌC NGA TẠI MIỀN NAM 1954-1975

*Phạm Thị Phương\**

*Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*

*Trường Đại học Ngoại ngữ Hankuk – Hàn Quốc (HUFS)*

*Ngày nhận bài: 22-10-2018; ngày nhận bài sửa: 12-11-2018; ngày duyệt đăng: 21-11-2018*

### TÓM TẮT

Dựa trên những số liệu đã tổng hợp, bài viết phân tích tình hình dịch thuật văn học Nga trong vòng 20 năm nhằm khẳng định giai đoạn 1954-1975 ở miền Nam Việt Nam có một nền văn học Nga khá phong phú và sinh động. Văn học miền Nam đã tiếp nhận và lưu giữ một phần di sản quý báu của nhân loại, đồng thời di sản ấy đã góp phần làm nên vẻ đa dạng và hiện đại của văn học nơi này.

**Từ khóa:** văn học Nga, dịch thuật, miền Nam Việt Nam.

### ABSTRACT

***The situation of translation of Russian Literature in the South of Vietnam from 1954 to 1975***

Based on aggregate data, the article analyzes the situation of the translation of Russian literature within 20 years to affirm that the period 1954-1975 in the South of Vietnam has a rich and lively Russian literature. The literary society in the South of Vietnam received and preserved a part of the precious heritage of mankind, and at the same time contributed to the diversity and modernity of itself.

**Keywords:** Russian literature, translation, South of Vietnam.

Sách dịch trở thành *hiện tượng*, thành *phong trào*, thành *bộ phận* quan trọng của nền văn học miền Nam 1954-1975. Trong vòng 20 năm, nơi đây đã tồn tại một nền văn học dịch nước ngoài, phong phú về số lượng, đa dạng về chủng loại, giúp độc giả phần nào theo sát bước đi của văn chương thế giới, đồng thời bồi đắp những thiếu hụt của nền văn học nước nhà.

Năm 1958-1959, sau cuộc *Phỏng vấn văn nghệ về truyện ngắn Việt Nam và ngoại quốc*, tờ *Bách khoa* đã đưa ra một bản danh sách nhà văn nước ngoài được độc giả ưa thích, trong đó có các nhà văn Nga. Nguyễn Hiến Lê trong *Bách khoa* số 125 (1960) đề nghị *Một chương trình dịch sách ngoại quốc*, trong đó ông lên kế hoạch khoảng 1000 đầu sách trong thời hạn 5 năm. Theo ông, dịch thuật là một công việc cần thiết và có nhiều cái lợi. Lợi ích bởi vì, thứ nhất, ta thu ngắn được khoảng cách so với thế giới một

\* Email: phth.phuong@yahoo.com

cách nhanh nhất; thứ hai, dịch thuật làm tiếng Việt thêm phong phú, giàu có; *thứ ba*, giúp dân trí mở mang.

Trong bài viết này chúng tôi sẽ dừng lại phân tích mảng sách dịch văn học Nga, ở hai phương diện: số lượng và chất lượng dịch thuật.

## 1. Số lượng dịch thuật

### 1.1. Sự đa dạng về đề tài, trào lưu nghệ thuật và khuynh hướng chính trị

Văn học Nga chiếm một tỉ lệ không nhỏ trong thị phần sách dịch. Ấn tượng đầu tiên là đa dạng, muôn mặt về đề tài, trào lưu nghệ thuật và khuynh hướng chính trị: có cả các nhà văn cổ điển (L. Tolstoy, A. Pushkin, M. Lermontov...) và các nhà văn hiện đại (V. Maiakovsky, B. Pasternak, A. Solzhenitsyn...), có cả tác gia mang phong cách lãng mạn (I. Turgenev, K. Paustovsky...) và các đại diện lỗi lạc của chủ nghĩa hiện thực (F. Dostoievsky, M. Sholokhov...), có cả tác phẩm “hiền lành” (*Mưa lúc rạng đông* – K. Paustovsky, *Mối tình đầu* – I. Turgenev...) và tác phẩm bị coi là “nhạy cảm về chính trị” (*Bác sĩ Zhivago* – B. Pasternak, *Tầng đầu địa ngục* – A. Solzhenitsyn...). Đối với M. Gorki, giấy phép xuất bản được cấp cho cả tác phẩm *Thời thơ ấu* và *Mưu sinh* lẫn tác phẩm *Bà mẹ* và *Trong tù*. Tương tự như thế, ta thấy trong danh mục dịch phẩm M. Sholokhov có cả *Gã mục đồng*, *Số phận con người* lẫn *Đất vỡ hoang*, *Họ chiến đấu vì tổ quốc*...

Tuy nhiên, không thể nói rằng việc giới thiệu văn học Nga ở đây đã có tính hệ thống và cân đối về chất lượng. Xảy ra hiện tượng cùng lúc có nhiều bản dịch cho một tác phẩm (như *Tội ác và Hình phạt*, *Tầng đầu địa ngục*) mà bỏ quên một số danh tác khác (như *Sông Đông êm đềm*, *Con đường đau khổ*); đổ xô vào một số hiện tượng (như F. Dostoievsky, A. Solzhenitsyn) mà sao nhãng những hiện tượng đáng chú ý khác (như A. Pushkin, I. Bunin, M. Bulgakov). Thực ra, tình trạng này không phải chỉ xảy ra đối với riêng văn học dịch Nga. Đó là hạn chế của cơ cấu thị trường trong ngành xuất bản miền Nam không dễ điều tiết đồng bộ và cân đối đầu ra của mặt hàng tiêu thụ. Nguyễn Hiến Lê không phải một lần nêu lên cái thực trạng này mà ông gọi là “một sự sản xuất hỗn độn”, “thiếu một chương trình chung” (Nguyễn Hiến Lê, 1961, tr. 30).

### 1.2. Sự không đồng đều về thể loại

Điểm mặt thể loại, ta thấy dịch phẩm Nga hầu như thiếu vắng thi ca, thoại kịch, phê bình – có nghĩa là chỉ có sự hiện diện của truyện ngắn và tiểu thuyết.

**Về thi ca:** thứ nhất, thời kì đó việc dịch thơ ca ngoại quốc nói chung chưa được đầu tư nhiều; thứ hai, dịch thơ đòi hỏi thông thạo ngôn ngữ văn bản gốc, mà ở đô thị miền Nam ít ai biết tiếng Nga ở mức độ am tường. Ban Biên tập Tạp chí *Văn* từng giải thích việc không dịch một số bài thơ Nga ra tiếng Việt: “Chúng tôi rất tiếc không thể dịch thơ của những nhà thơ nổi tiếng đó, vì lẽ, nếu phiên dịch qua một bản Pháp dịch hoặc Anh dịch thì chẳng khác nào chúng ta phản tác giả tới những hai lần” (Lời tòa soạn, Tạp chí *Văn* số 5/1964, tr. 5).

Trường hợp Phạm Công Thiện với 2 bài thơ của Pasternak *Mộng* (Сон) và *Đặt chèo* (Сложa весла) gần như là ngoại biệt: ông dịch chúng – như ông nói, – bằng “vốn Nga ngữ nhỏ nhỏ của 4-5 năm trời mò mẫm tự học trong sách vở”. Ông chép tay hai bài thơ bằng ngôn ngữ nguyên tác, (kí tự Slave chuẩn và đẹp), chụp lại trên Tạp chí *Phổ thông* số 5 năm 1959. Tại trang bìa sau cuốn *Vĩnh biệt tình em* (Tổ hợp Gió, 1973), mục *Sách sẽ in*, có thông báo sắp ấn hành tập thơ *Lara – thơ của bác sĩ Zhivago* (Pasternak), do Nguyễn Hữu Hiệu chuyển ngữ. Dù đã cố gắng, chúng tôi vẫn chưa tìm thấy tập sách này, không biết trên thực tế nó có kịp ra đời không.

Trong khả năng khảo sát của chúng tôi, chưa thấy một thi phẩm nào của A. Pushkin. (Mặc dù uy danh thi hào được nhắc đến nhiều trong giới biên khảo; và khi trao đổi với hàng ngũ giáo viên từ cấp tiểu học đến đại học thuộc chế độ cũ, chúng tôi thấy họ không xa lạ với nhà thơ Nga này. Rõ ràng, để tiếp xúc với nhà văn, ngoài văn bản dịch, bạn đọc còn nhiều ngã đường khác). Số phận các thi hào Nga khác cũng tương tự: Không có bản dịch thơ nào của M. Lermontov, S. Esenin, A. Blok. Trường hợp V. Maiakovsky thì có một cuốn sách mỏng *Maiakovski – thi sĩ Nga hay mối tình câm của nàng* do Thế Phong dịch từ *Maiakovski - Poète Russe* của Elsa Triolet, Đại Nam Văn Hiến phát hành năm 1963 với số lượng khiêm tốn là 50 bản. (Năm 1968 Tủ sách Kiều Công Nhị có tái bản bản dịch này). E. Evtushenko được báo chí nhắc đến khi ông sang Pháp và đăng một số bài tự truyện. Nhân dịp này, Tập san *Văn* 1968, số 9 có dịch một vài thi phẩm không mấy nổi bật của ông. Tên tuổi K. Simonov không nổi tiếng bằng bài thơ *Đợi anh về* của ông: Công chúng miền Nam không mấy ai để ý đến nguyên tác, mà biết nó như một bài hát được Văn Chung – Văn Thủy phổ nhạc qua bản dịch (từ tiếng Pháp) của Tố Hữu.

**Về thoại kịch:** A. Chekhov được đánh giá cao với tư cách một kịch gia lỗi lạc. Các dịch giả của ông đều có trình độ cao về ngoại ngữ, như Đỗ Khánh Hoan, Giản Chi, Bửu Ý, nhưng, ngoại trừ giới thiệu một tiểu phẩm hài kịch *Thằng đểu* không mấy tiêu biểu của Chekhov, chỉ thấy dịch truyện ngắn của ông. Chẳng riêng trường hợp Chekhov, tuyệt nhiên kịch phẩm Nga (kể cả thế kỉ XIX lẫn XX) đều không thấy xuất hiện trên văn đàn miền Nam. So với các thể loại thơ ca, tiểu thuyết, truyện ngắn thì thoại kịch là thể loại nói chung không có thể mạnh ở miền Nam. (Điều này Nguyên Sa từng nhấn mạnh trong *Một bông hồng cho văn nghệ*). Truyền thống sân khấu Nam Bộ vốn ưa thích cải lương hơn, nhất là trước 1975, cải lương gần như lấn át và giữ vị trí độc tôn. Lí do khác: kịch nói chẳng những dành cho công chúng – độc giả, mà còn được dành cho công chúng – khán giả. Cũng như miền Bắc cùng thời, ở miền Nam có loại kịch chính trị (*Bão thời đại* – Trần Lê Nguyễn, *Con vật phi lí* – Ngô Xuân Phụng...), nhưng quan niệm chính thống của Sài Gòn về kịch nghệ Nga không tạo điều kiện cho việc chuyển ngữ và trình diễn công khai trên sân khấu những kịch phẩm Nga thế kỉ XX, vì chúng là “sự phát lộ trên địa hạt sân khấu của ý chí xã hội chủ nghĩa”, là “một trong những yếu tố chính tạo nên xã hội Xô-

viết”, là “một công cụ của chính quyền dùng hình thức của nghệ thuật phục vụ cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa” (Lê Hữu Khải, 1961, tr. 23).

Còn kịch nghệ Nga thế kỉ XIX, như kịch A.Chekhov, A. Ostrovsky không phải là loại dễ hiểu dễ ưa thích đối với công chúng vốn chuộng cải lương và các cốt truyện kiểu cổ điển.

**Về lí luận văn học:** Trái với văn học miền Bắc dùng mĩ học Mác – Lênin làm kim chỉ nam nên dịch hàng loạt các trước tác lí luận từ Liên Xô, văn học miền Nam dùng một hệ thống triết mĩ khác, trong đó nổi bật khuynh hướng phi Mác xít, phản Mác xít, cho nên việc dịch các trước tác lí luận Xô-viết không được đặt ra, đồng thời cũng không quan tâm đến quan điểm thẩm mĩ cổ điển của các nhà phê bình Nga thế kỉ XIX (V. Belinsky, N. Chernyshevsky...).

### 1.3. Tiêu chí chọn sách dịch

#### - Dịch theo dòng thời sự

Điều dễ nhận thấy là văn học Nga được cập nhật và dịch theo tình hình thời sự văn học. Những năm 50 và đầu những năm 60 sách của các tác giả có văn phong cổ điển (A. Pushkin, M. Lermontov, L. Tolstoy, I. Turgenev) chiếm ưu thế. Từ giữa những năm 60 trở đi, thị trường sách báo có sự chuyển hướng trong việc chọn dịch. Nhà văn cổ điển dần dần nhường chỗ cho tác giả có tính chất hiện đại hơn như F. Dostoievsky, B. Pasternak, I. Solzhenitsyn...

Ngày 22/11/1957 tiểu thuyết *Bác sĩ Zhivago* được phát hành bằng tiếng Ý, tung ra thị trường châu Âu, ngày 23/10/1958 giải Nobel văn học được công bố trao cho tác giả Pasternak, ngay lập tức Tạp chí *Đô thị miền Nam* ra hàng loạt bài về sự kiện này, sang năm 1959 Sài Gòn đã có bản dịch tác phẩm từ tiếng Anh và Pháp, đến 1960 có thêm bản dịch nữa từ tiếng Ý. Một bằng chứng cập nhật tin tức và du nhập văn hóa phẩm khá nhanh nhạy, kịp với dòng thời sự.

Ngày 15/02/1966 truyền thông thế giới loan tin kết quả tòa án Liên Xô xử hai nhà văn A. Siniavski, Yu. Daniel, văn nghệ Sài Gòn có những phản ứng gần như tức thời, nhanh nhất là bài *Một vụ án văn nghệ ở Mạc Tư Khoa*, đăng trên *Bách khoa* số 28, ra ngày 01/3/1966.

Năm 1969, kỉ niệm một năm biến cố Praha (8/1968) và nhân sự kiện nhà văn Xô-viết A. Anatol (tức Anatoli Kuznetsov) “đào tẩu” khỏi Liên Xô, xin tị nạn chính trị tại Anh quốc, trong *Văn* số tháng 8/1969 đã dịch đăng *Lời giải thích* và 3 bức thư của A. Anatol gửi Chính phủ Xô-viết, Hội nhà văn Liên Xô và phần đầu câu chuyện của ông về vụ án *Ngôi sao trong sương mù*.

Đầu tháng 6/1974 xuất hiện bản dịch của Nguyễn Văn Sơn *Ngôi nhà của Matriona*. *Lời giới thiệu* cuốn sách được đề ngày 24/5/1974, trong đó nhắc đến sự kiện ngày 13/2 năm ấy A. Solzhenitsyn bị trục xuất khỏi Nga và ghi nhận thái độ của người dịch về sự kiện, liên hệ với nội dung cuốn sách. Trong *Lời bạt* cuốn *Một ngày trong đời Ivan*

*Denisovich* (dịch năm 1970) có ghi thêm những dòng tin tức liên quan đến tác giả Solzhenitsyn, “khi bài viết này đang lên khuôn”.

- **Dịch tác phẩm kinh điển**

Một trong những xu hướng chính của văn học miền Bắc cùng thời là chọn dịch những tác phẩm được coi là “kinh điển”, thể hiện sáng rõ tinh thần cách mạng XHCN, như *Thép đã tôi thế đấy* (N. Ostrovsky), *Đội cận vệ thanh niên* (A. Fadeev), *Câu chuyện về một người chân chính* (B. Polevoy), *Con đường đau khổ* (A. Tolstoy), *Thời gian ủng hộ chúng ta* (Ilya Ehrenbourg)... Nhiều cuốn trong số đó được tái bản nhiều lần, trở thành “sách gối đầu giường” của một thế hệ “Ra trận”. Những tác phẩm này tuyệt nhiên không có trên kệ sách miền Nam, trong khi đó lại xuất hiện những cuốn mà ở miền Bắc tuyệt nhiên không thấy: *Bác sĩ Zhivago* (B. Pasternak), *Quần đảo Gulac* (A. Solzhenitsyn), *Lolita* (V. Nabokov)... Đối với miền Nam, những tác phẩm này lại được coi là “kinh điển”.

Với những nhà văn Nga cùng xuất hiện ở cả hai miền, tác phẩm được chọn dịch không giống nhau. Ví dụ: Hầu hết các tác phẩm nổi tiếng của L. Tolstoy được dịch ở miền Bắc, nhưng thiếu mất *Bản sonate tặng Kreutzer*, trong khi đó nó là một trong những tác phẩm của L. Tolstoy được dịch đầu tiên ở miền Nam, có nhiều bản dịch và được tái bản nhiều lần. Các danh tác của Dostoevsky như *Anh em nhà Karamazov*, *Tội ác và Hình phạt*, *Bút kí viết dưới hầm*, *Lũ người quỷ ám*, *Đầu xanh tuổi trẻ*, *Người chồng muôn thuở*... có mặt tại Sài Gòn, trong khi đó Hà Nội không có lấy một tác phẩm nào trong danh sách trên. Nếu như ở miền Bắc từ 1946 đến 1976 tái bản đến 5 lần cuốn *Người mẹ* với 4 bản dịch khác nhau, thì ở miền Nam cuốn đó chỉ thấy in ra một lần, cho dù vẫn có ý đề cao Gorky và in một số tác phẩm khác của ông như *Khúc bi ca nàng tiên nhỏ*, *Thời thơ ấu*, *Mưu sinh*, *Trong tù*.

- **Dịch theo giải thưởng lớn**

Nếu văn học miền Bắc cùng thời hay chọn dịch những tác phẩm đạt *Giải thưởng quốc gia Liên Xô*, thì miền Nam chọn tác phẩm đạt *Giải Nobel Văn học*. Sách báo Sài Gòn giới thiệu hầu như tất cả giải Nobel Văn học của thế giới từ năm 1957 đến 1973, trong đó có ba giải của Nga: B. Pasternak (1958), M. Sholokhov (1965), A. Solzhenitsyn (1970). (Việc không một lần giới thiệu I. Bunin – giải Nobel đầu tiên của Nga có thể coi là một bằng chứng về tính “theo dòng thời sự” của dịch thuật miền Nam).

Pasternak được giải Nobel vào cuối 1958, vài tháng sau Sài Gòn đã có bản lược dịch tác phẩm *Bác sĩ Zhivago* (bản Trương Văn và Sơn Tịnh). Tháng 1/1959 Tạp chí *Phổ thông* số 5 đăng hai thi phẩm dịch của Phạm Công Thiện *Mộng* và *Đặt chèo* của nhà thơ không hề dễ dịch.

Năm 1967 Tạp chí *Văn* đã dành số 83 cho chuyên đề Pasternak.

Cùng với tên tuổi Pasternak báo chí bắt đầu nhắc đến một nhà văn Xô-viết khác – M. Sholokhov, trong sự đối sánh, khen ít chê nhiều. Năm 1965, tới lượt Sholokhov nhận giải Nobel, tên tuổi và tác phẩm của ông lại bùng ra, nhưng với những quan điểm có phần

không giống trước. Trong năm đó Tập san *Văn* ra một số dành riêng cho Sholokhov (số 47/1965), trích đăng một số truyện ngắn của ông, các bài báo trong và ngoài nước viết về ông. Nhà xuất bản *Sống Mới* năm 1967 cho tái bản hai tập *Đất vỡ hoang*, năm 1969 in *Họ chiến đấu vì tổ quốc*.

Tên tuổi Solzhenitsyn nổi bật trên thị trường sách báo những năm 70, sau khi ông nhận giải Nobel. Trong một thời gian từ 1970 tới những ngày tháng cuối của chính quyền Cộng hòa Việt Nam, Solzhenitsyn trở thành trung tâm chú ý của các phương tiện thông tin đại chúng. Trên nhiều lĩnh vực văn hóa đời sống người ta có thể bắt gặp tên tuổi ông. Xuất hiện với tần số gấp gáp hàng loạt tác phẩm của ông (*Một ngày trong đời Ivan Denisovich*, *Vòng đầu địa ngục*, *Khu ung thư*, *Bất ngờ tại ga Krechetova*, *Ngôi nhà nhỏ của Matriona*, *Quần đảo ngục tù*), các bài viết về ông, thư ngỏ, diễn văn, trả lời phỏng vấn của ông. Đăng tải một loạt bài nghiên cứu, khảo luận, giới thiệu của tác giả nước ngoài và Sài Gòn (Harrison Salisbury, Max Hayward, Michel Gordey, Trùng Thiên, Hoàng Hải Thủy, Đào Trường Phúc, Lê Vũ...). Một vài tác phẩm được đăng tải cùng một lúc trên nhiều tạp chí, có nhiều bản dịch và được tái bản liên tục.

- **Không có sách dịch dành cho thiếu nhi**

Tác phẩm Nga hầu như không dành cho lứa tuổi nhỏ ở miền Nam. Nếu như thoảng hoặc xuất hiện một vài tiểu phẩm mà trong nguyên tác có thể vừa hướng đến độc giả trưởng thành, vừa hướng đến độc giả nhi đồng (*Chúa biết sự thật nhưng chẳng nói ngay* (Lev Tolstoy), *Cây giáng sinh thượng giới* (F. Dostoievsky), hoặc hai tập đầu bộ ba tự thuật của M. Gorky (*Thời thơ ấu*, *Mưu sinh*) thì khi được giới thiệu vào miền Nam, những văn bản này hoàn toàn không có chủ đích hướng đến độc giả nhỏ tuổi.

Đây là điều khác căn bản với miền Bắc, loại này chiếm một con số khổng lồ, góp phần hình thành học vấn và thế giới thẩm mỹ cho một vài thế hệ độc giả từ khi còn là học sinh phổ thông. Từ 1965 trở đi, sách dịch văn học Nga cho lứa tuổi học sinh miền Bắc hầu như chiếm ½ số dịch phẩm Nga với con số ấn bản khổng lồ cho mỗi cuốn, từ 30.000 đến 50.000, 60.000 bản, thậm chí kỉ lục nhất lên đến 60.085 bản (*Volodia Ulianov* của nhiều tác giả), 80.000 bản (*Mùa thu ở Khakhovka* của Baklanov) và 120.300 bản (*Sionkovski* của K. Antaiski).

Như vậy, trong phong trào dịch thuật, số lượng tác phẩm Nga được đưa vào miền Nam khá đông đảo, phong phú nhưng chưa thành hệ thống, có những tiêu chí lựa chọn không giống văn học miền Bắc. Việc dịch thuật này diễn ra cụ thể trong hai hình thức phát hành dưới đây.

**1.4. Dịch phẩm Nga trên báo chí**

Hoạt động văn học gắn liền với báo chí là truyền thống của mảnh đất miền trong, bắt đầu sớm nhất trong cả nước, hầu như không bị gián đoạn ngay cả trong thời kì kháng chiến chống Pháp, cho tới 1975. Rất nhiều khi dịch phẩm được trích đăng như một hình thức “lấy ngắn nuôi dài” – đăng từng đoạn trên tạp chí trước khi in thành sách. Trong vòng 20

năm tồn tại của mình, con số tạp chí của văn học đô thị miền Nam là một con số khổng lồ, phản ánh rõ nhất gương mặt của đời sống văn nghệ. Nhiều tập san, tạp chí đã đóng góp không nhỏ vào quá trình phổ biến văn học nước ngoài.

Văn học Nga xuất hiện trong nhiều tạp chí, kể cả những tờ chuyên và tờ không chuyên về văn học nghệ thuật. Đáng kể nhất là *Văn* và *Bách khoa* – hai tờ có đời sống lâu dài nhất so với vô số tạp chí khác của ngành phát hành miền Nam. Chúng được đánh giá có tính chất *dung hòa rộng rãi mọi khuynh hướng và mở rộng trên nhiều lĩnh vực*: thơ văn, sử học, ngữ học, triết học, tôn giáo, hội họa, âm nhạc... Chính những đặc điểm ấy đã tạo điều kiện cho việc dịch và giới thiệu văn học Nga với nhiều sắc vẻ khác nhau.

Quan tâm đặc biệt giới thiệu văn học nước ngoài, trong 11 năm tồn tại của mình, bắt đầu từ 1964 đến 1975, trong 209 số tạp chí và gần 50 số giai phẩm, *Văn* có 90 số chuyên về văn học nước ngoài, nghĩa là chiếm 1/3. Với văn học Nga, *Văn* dành cho 11 số chuyên đề:

1. Số 5 (1964): chuyên đề “Những tiếng nói mới trong văn học Nga”
2. Số 47 (1965): chuyên đề về M. Sholokhov
3. Số 53 (1966): chuyên đề về A. Chekhov
4. Số 54 (1966): chuyên đề Vụ án văn nghệ Siniavsky & Daniel
5. Số 83 (1967): chuyên đề về B. Pasternak
6. Số 97 (1968): giới thiệu đề về E. Evtushenko
7. Số 128 (1969): giới thiệu về L. Tolstoy
8. Số 130 (1969): chuyên đề về A. Solzhenitsyn
9. Số 178 (1971): tuyển truyện Nga-la-tur
10. Số 180 (1971): giới thiệu về A. Tolstoy
11. Giai phẩm Văn 14/11/1972: chuyên đề về F. Dostoievsky.

Không phải là tạp chí chuyên sâu văn chương như *Văn*, Tạp chí *Bách khoa* thiên về phổ biến kiến thức bề rộng, nhưng với 18 năm tồn tại<sup>1</sup> (từ 1957 đến 1975), với 426 số, nó đã góp phần phản ánh diện mạo đa dạng của văn học nghệ thuật miền Nam. Là một tờ báo dung hòa tất cả các khuynh hướng chính trị, từ 1958 đến 1973 *Bách khoa* liên tục cho đăng tải văn học Nga, trong đó có cả phần biên khảo lẫn các dịch phẩm.

Tác phẩm Nga, bài nhận định về văn học Nga còn xuất hiện rải rác ở các tờ như *Đại học*, *Văn hóa Á châu*, *Văn hóa nguyệt san*, *Văn hóa ngày nay*, *Tân phong*, *Tư tưởng*, *Quê hương*, *Phổ thông*... Ví dụ như *Đại học* là một tờ báo của Viện Đại học Huế, thường bàn luận về triết học với những tên tuổi của các nhà triết học cũng như các nhà văn hiện đại, trong đó có tác giả Nga (Dostoievsky, Dudintsev...). *Chấn hưng kinh tế* là một tờ báo hoàn

<sup>1</sup> Nguyễn Hiến Lê viết: “Trong lịch sử báo chí của nước nhà, tờ *Bách khoa* có một địa vị đặc biệt. Không nhận trợ cấp của chính quyền, không ủng hộ chính quyền mà sống được 18 năm, từ 1957 đến 1975, bằng tờ *Nam Phong*, có uy tín, tập hợp được nhiều cây bút giá trị như tờ *Nam Phong*, trước sau cộng tác viên được khoảng 100”. (Nguyễn Hiến Lê, 1993, tr. 415).

toàn không liên quan đến văn nghệ, cũng đôi khi xuất hiện một hai dịch phẩm văn học Nga nhỏ nhỏ với một kiểu văn phong giản dị, thậm chí dân dã.

Thị phần của văn học Nga giữa dòng văn học nước ngoài được du nhập vào miền Nam không phải là quá cao so với văn học Pháp, Trung Quốc... nhưng lại tương đối bình ổn, không lên xuống thất thường, chẳng hạn như văn học Trung Quốc, hoặc bị đứt đoạn, ví dụ như văn học Nhật. Ngoài những “hiện tượng văn học”, “vụ án văn học” lúc này hay lúc nọ khuấy động dư luận, các tác phẩm Nga luôn hiện diện trong suốt chiều dài đời sống văn học đô thị miền Nam.

### 1.5. Sách dịch văn học Nga

Sách dịch Nga trở thành mặt hàng trên thị trường văn nghệ miền Nam khá sớm và bền lâu. Theo số thống kê tạm thời của chúng tôi thì ấn phẩm đầu tiên là năm 1955 – tập truyện ngắn *Mưa trong bình minh* của Paustovsky, và ấn phẩm cuối cùng là năm 1974 – hai cuốn *Ngôi nhà của Matriona*, *Quần đảo ngục tù* của Solzhenitsyn. Trong suốt thời gian ấy, không một năm nào tác phẩm Nga vắng bóng trong danh mục sách mới.

- **Tác giả Nga có sách được dịch nhiều nhất:** L. Tolstoy, F. Dostoievsky và A. Solzhenitsyn. Hầu hết tác phẩm chính yếu của họ đều được dịch, trong đó không ít tác phẩm cho đến trước 1975 chưa được miền Bắc chuyển ngữ (*Đời tôi*, *Bản sonate tặng Kreutzer*, *Con bạc*, *Bút kí viết dưới hầm*, *Là bóng hay là hình*, *Lũ người quỷ ám*, *Tội ác và Hình phạt*, *Một ngày trong đời Ivan Denisovich*, *Ngôi nhà của Matriona*, *Khu ung thư...*). Chúng được xuất bản, tái bản trong suốt thời gian tương đối dài, bắt đầu từ những năm 50 đến những năm 70.

- **Tác phẩm có từ 2 bản dịch trở lên:** *Bản sonate tặng Kreutzer*, *Chiến tranh và Hòa bình*, *Những người Cô-dắc*, *Anh em nhà Karamazov*, *Tội ác và Hình phạt*, *Tầng đầu địa ngục*, *Bác sĩ Zhivago*, *Mưa trong bình minh...*

- **Tác phẩm nhiều lần tái bản:** ngoài những tác phẩm có nhiều bản dịch kể trên, có thể kể thêm *Bút kí viết dưới hầm*, *Truyện ngắn Chekhov*, *Đất vỡ hoang*.

Sách được xuất bản, tái bản nhiều lần đều là sáng tác nổi tiếng, thuộc các khía cạnh khai thác văn nghệ khác nhau: cả văn học cổ điển lẫn văn học hiện đại, cả loại được coi là “nặng” tính chính trị, triết học, lẫn loại trữ tình “nhẹ nhàng”. Điều này phù hợp với chủ trương của các nhà sách *Khai Trí*, *Nguồn Sáng*, *Cảo Thơm*, *An Tiêm*, *Gió Bốn Phương*, *Tổ Hợp Gió...*

Sau sự kiện Tết Mậu Thân 1968, giữa lúc ngành xuất bản ngưng trệ, *Lá Bối* – một nhà xuất bản của Phật giáo, dám bỏ ra trên triệu bạc (tỉ giá thời đó), mà phần lớn là vay lãi nặng, để in bộ *Chiến tranh và Hòa bình*. Giới phát hành lập tức ủng hộ việc làm trên bằng những việc làm thiết thực. Tạp chí *Văn* cấp thời ra một số chuyên về L. Tolstoy.

- **Số ấn bản dịch phẩm Nga:** thường cũng ngang với số lượng trung bình của tác phẩm Việt Nam và ngoại quốc khác, từ 2000 đến 3000 bản/một lần phát hành, ví dụ, các cuốn *Là bóng hay là hình* của Đất Sống, *Tội ác và Hình phạt* của Nguồn Sáng ra 2000 bản;



các cuốn *Tội ác và Hình phạt* của Khai Trí, *Dostoievsky với chân trời văn học Nga* của An Tiêm ra 3000 bản. Đây là con số trung bình của ngành xuất bản theo cơ chế thị trường. Tùy vào quy mô và lượng sức tiêu thụ của mình, một số nhà xuất bản nhỏ phát hành số lượng ít hơn, ví dụ cuốn *Gã khờ* của Nhà xuất bản Thủy, cuốn *Ngôi nhà của Matriona* của Trẻ: 1000; cuốn *Maiakovski – thi sĩ Nga hay mối tình câm của nàng* của Đại Nam Văn Hiến: 50 bản. Nhưng cũng có những cuốn lại có số lượng nhiều hơn, ví dụ cuốn *Anh em nhà Karamazov* của Nguồn Sáng lên tới 5000 bản. Không ít dịch phẩm Nga được tái bản với số lượng tương đương với lần đầu xuất bản. Cũng như đối với các loại sách ngoại văn có giá trị khác, nhiều dịch phẩm Nga được coi là “sách quý”, cho in thêm các bản đặc biệt giấy lụa, bìa cứng hoặc bọc vải. Trang bìa cuối cuốn *Vĩnh biệt tình em* có ghi: “Ngoài những bản thường còn in thêm 100 bản đặc biệt bìa bọc vải, dành cho dịch giả, Tổ Hợp Gió và những người sưu tầm sách quý”. Cách đánh số thứ tự “sách quý” *Một ngày trong đời Ivan Denisovich* của Nguồn Sáng (1974) khá đặc biệt: “Ngoài các bản thường còn in thêm 32 bản trên giấy lụa đánh số từ A đến Я theo 32 chữ cái Nga ngữ dành riêng cho các dịch giả và nhà xuất bản”.

- **Cách trình bày dịch phẩm Nga:** kỹ thuật in ấn và mỹ thuật khá ấn tượng. Nếu như vào những năm 50 bìa sách còn khá sơ sài, thì sang đến những thập niên sau, bìa sách được trình bày trang nhã, bắt mắt hơn. Đa số dịch phẩm Nga đều có *Lời giới thiệu*, *Lời bạt* của dịch giả, nhà nghiên cứu hay nhà xuất bản, trình bày về quan điểm của mình về tác giả, tác phẩm, đôi khi cả quan điểm dịch dịch giả. Cuốn *Tội ác và Hình phạt* do Khai Trí phát hành có đến 22 trang dành cho *Lời giới thiệu*. Cuốn *Đầu xanh tuổi trẻ* do Nguồn Sáng phát hành, ngoài 23 trang *Lời giới thiệu*, ở phía cuối có thêm 40 trang bài khảo luận và 5 trang viết về thân thế sự nghiệp Dostoievsky. Số trang “khổng lồ” nhất cho việc giới thiệu vẫn thuộc về cuốn *Chiến tranh và Hòa bình* của Lá Bối – 113 trang và *Anh em nhà Karamazov* của Nguồn Sáng – 158 trang. Sau *Lời giới thiệu* của mình, để độc giả dễ nắm bắt thông tin hệ thống hơn, Nguyễn Hiến Lê còn cung cấp thêm bản dịch *Bảng họ tên các nhân vật chính*, và *Bảng gia hệ và mối liên hệ của các nhân vật chính*; ở cuối mỗi tập, ông đưa thêm phần tóm tắt các chương, và đến cuối bộ sách ông cung cấp một *Biểu biên niên đời L. Tolstoy*, một *Bảng danh từ lịch sử và địa lí*.

## 2. Chất lượng dịch thuật

### 2.1. Nguồn dịch và người dịch

Đánh giá chất lượng dịch thuật, trước tiên người ta thường bàn đến ngôn ngữ của bản nguồn và độ tin cậy về ngoại ngữ cũng như tầm văn hóa của người chuyên ngữ.

Ngoài trường hợp ngoại biệt Phạm Công Thiện với 2 bài thơ Pasternak, hầu như không có tác phẩm Nga nào nữa được dịch từ nguyên tác Nga ngữ. Riêng cuốn *Bác sĩ Zhivago* do Nhà xuất bản Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hóa ấn hành năm 1960 được dịch từ tiếng Ý. Còn lại, tuyệt đại đa số sách Nga là được dịch qua ngôn ngữ trung gian Pháp và

Anh. Nhiều dịch giả ý thức rất rõ những bất cập khi không dịch từ ngôn ngữ nguyên tác. Dịch giả *Là bóng hay là hình* (Двойник) giải bày:

Chúng tôi cũng tiếc là đã dịch tác phẩm này căn cứ trên bản Anh ngữ của Andrew R. Mac Andrew, do đó dẫu đã cố gắng dịch sát vẫn khó có thể tránh được một khoảng cách với nguyên tác Nga ngữ, một ngôn ngữ mà người Nga vẫn tự hào là gồm đủ nét hùng vĩ của tiếng Anh, diễm lệ của tiếng Pháp, âm điệu của tiếng Ý và quý phái của tiếng Tây Ban Nha (Đình Đắc Phúc, 1973, tr. 3).

Cùng là một đầu sách, dịch giả Việt Nam có thể chọn các bản dịch trung gian khác nhau. Thậm chí một dịch giả cùng lúc có thể chọn đối chiếu hai bản trung gian, cùng thứ tiếng, hoặc hai thứ tiếng. Ví dụ, bản dịch *Một ngày của Ivan Denisovich* của Thạch Chương được thực hiện theo bản Anh ngữ của Max Hayward, đối chiếu với bản Anh ngữ khác của Ralph Parker; bản dịch *Anh em nhà Karamazov* của Vũ Đình Lưu là theo bản Pháp văn của Henry Mongault, đối chiếu với hai bản Anh văn của Constance Garnett và David Madarshack; bản dịch *Lũ người quý ám* của Nguyễn Ngọc Minh là theo hai bản Anh ngữ của Andrew R. Mac Andrew và của Constance Garnett, đối chiếu với bản Pháp ngữ của B. De Schloezer. Kì lục có lẽ là bản dịch Nguyễn Hiến Lê *Chiến tranh và Hòa bình*: nó được đối chiếu qua 4 bản dịch, trong đó có một bản tiếng Việt. Nguồn dịch và cách đối chiếu của không ít dịch phẩm công phu như vậy cho ta hi vọng ở chất lượng của dịch thuật.

Hai tạp chí nổi tiếng nhất trong việc giới thiệu thường xuyên văn học nước ngoài là *Văn* và *Bách khoa* là nơi tập trung nhiều cây bút dịch thuật đáng tin cậy về trình độ ngoại ngữ và thái độ cẩn trọng đối với công việc: Trần Thiện Đạo, Nguyễn Hiến Lê, Trần Phong Giao, Đặng Tiến, Thạch Chương, Nhã Điền, Lê Huy Oanh, Mặc Đỗ... Đáng chú ý là Trần Thiện Đạo – người sống ở Paris, luôn theo dõi sát các trào lưu văn học nước ngoài đang thịnh hành, kịp thời đưa thông tin về nước, hay Nguyễn Hiến Lê – người lên kế hoạch cho cả một chương trình sách dịch và đặt ra những tiêu chí nghiêm túc trong dịch thuật. Thư kí toà soạn *Văn* Trần Phong Giao đồng thời cũng là một dịch giả nổi tiếng vì sự cẩn mẫn và có trách nhiệm...

## 2.2. Dịch nhan đề tác phẩm và danh từ riêng

Nhan đề tác phẩm văn học Nga khi được chuyển ngữ tiếng Việt đa phần đều được giữ đúng tinh thần nguyên tác, ngoại trừ một số trường hợp sau:

- *Những người Cô-dắc* (Казак): *Sơn lâm êm đềm, Dũng sĩ miền núi, Vùng đất hoang vu*;
- *Bản sonate tặng Kreutzer* (Крейцерова соната): *Khúc nhạc mê li, Một bản đàn*;
- *Phục sinh* (Воскресение): *Vùng đất hồi sinh*;
- *Những mẩu chuyện Sevastopol* (Севастопольские рассказы): *Tình trong chiến hào*;
- *Bác sĩ Zhivago* (Доктор Живаго): *Vĩnh biệt tình em*;
- *Cha và con* (Отцы и дети): *Sơn lộc*;
- *Kẻ song trùng* (Двойник): *Là bóng hay là hình*.

Sự “biến dạng” nhan đề có thể do ảnh hưởng của kinh tế thị trường tiêu thụ sách, của không khí thời đại, của một số trào lưu triết học được du nhập, qua đó thấy được cách “đọc” tác phẩm của dịch giả với tư cách là độc giả – vì thông thường cách đặt nhan đề là dụng ý thể hiện nội dung tư tưởng cơ bản của tác phẩm.

Vào những năm 50, xu hướng Việt hóa bản dịch giống hồi thập niên đầu thế kỉ vẫn tiếp diễn: lời văn mộc mạc, ngôn ngữ bình dân của người Nam Bộ, ví dụ bản dịch *Người ta sống bằng gì?* (L. Tolstoy). Địa danh, tên riêng được phiên gần với phát âm Việt, ví dụ bản dịch *Hồng nhan* (*Duseshka* – A. Chekhov), *Cũng một kiếp người* (trích *Chàng Ngốc* – F. Dostoievsky), *An-na Kha-lê-ninh*, *Cái chết của An-Đê* (trích *Chiến tranh và Hòa bình*), *Đời tôi* của L. Tolstoy..., trong đó, Andrei – An-Đê, Maria – Mai Lê, Natasa – Tạ Kha, Sonia – Sơn Nhã... Thử nghe một câu trong *Hồng nhan*: “Ó-Liên-Cơ là con gái một viên chức hồi hưu tên là Mĩ-Ni-Cốp [...], Kiều Kim là chủ gánh hát Ti-Vô-Ly...”. Đặc biệt, truyện ngắn *Lời thú tội* (A. Chekhov) được Lê Tây Sơn dịch không còn giữ được chất Nga nữa, mà đã trở thành một câu chuyện miệt vườn Nam Bộ mộc mạc, vui vẻ dân dã, cách phiên tên người Năm Hiền, Ba Khuếch, Ba Xạo làm cho câu chuyện của xứ người trở nên gần gũi với người đọc bình dân quen đọc Hồ Biểu Chánh.

### 2.3. Hình thức dịch

Về hình thức dịch, có các loại: dịch toàn văn (Nguyễn Hiến Lê với *Chiến tranh và Hòa bình*); phỏng dịch và rút gọn (Nguyễn Đan Tâm với *Chiến tranh và Hòa bình*); dịch lược bớt một số đoạn (Vũ Đình Lưu với *Anh em nhà Karamazov*); dịch trích đoạn từ tác phẩm dài hơi (*Cái chết của An-đê*, *Tâm trạng của một thương binh* – trích *Chiến tranh và Hòa bình*, hay *Cũng một kiếp người* – trích *Chàng ngốc*)...

Mỗi hình thức trên cho thấy các quan điểm khác nhau về cách đọc văn bản nghệ thuật, cách tiếp cận từng nhà văn của dịch giả – trong trường hợp này được coi là một dạng người đọc chuyên nghiệp. Đồng thời các hình thức phong phú này cũng làm cho văn học dịch trở nên năng động hơn, tiếp cận được đa dạng đối tượng đọc sách.

#### - Dịch toàn văn

Đây là cách thường thấy ở Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Hữu Hiệu, Thạch Chương, Nguyễn Văn Sơn... Giải thích việc lựa chọn hình thức dịch của mình, Nguyễn Hiến Lê viết: “Vì *Chiến tranh và Hòa bình* là một tác phẩm bất hủ của nhân loại cho nên chúng tôi dịch trọn, không bỏ một hàng nào, và theo sát lối hành văn của tác giả” (Nguyễn Hiến Lê 1969, tr. 111).

Với cách này, dịch giả muốn bảo toàn tối đa có thể văn phong của tác giả. Thậm chí trong nguyên tác có những câu rất dài, rất rườm rà, hoặc cùng trong một đoạn, tác giả dùng đi dùng lại một số từ ngữ, dịch giả vẫn chủ trương theo sát, không cắt bỏ hay sửa sang lại.

Trong phần *Ghi chú của dịch giả* cuốn *Lữ người quý ám*, Trần Ngọc Minh đưa ra sáu điểm cần lưu ý đối với bản dịch này, giống như sáu quan điểm dịch thuật của bản thân,

trong đó lưu ý thứ nhất chính là trình bày lí do chọn cách dịch toàn văn đối với một trong những tác phẩm dài nhất, rậm rạp nhất của Dostoievsky:

Nguyên tắc của chúng tôi là cố giữ cách diễn tả đặc biệt của tác giả càng nhiều càng hay, miễn là nó không trái với tinh thần Việt ngữ và không làm bản dịch trở thành nặng nề. Những đoạn mà bản này giữ, bản kia bỏ, chúng tôi đều trung thành với tác giả mà cho hết vào, không bớt một câu nào. (Nguyễn Ngọc Minh, 1973, tr. 12)

- **Phông dịch và lược bớt**

Có hai trường hợp: một là, hiện tượng này đã xảy ra từ văn bản trung gian; hai là, nó là chủ trương của bản thân người dịch. Bản phỏng dịch *Chiến tranh và Hòa bình* của Nguyễn Đan Tâm dựa trên bản rút ngắn Manel Komroff, trong đó các chương luận bản về lịch sử, triết học, tôn giáo đã bị cắt bỏ sẵn. Hình thức này được nhiều người chấp nhận, cho rằng dễ tiếp nhận hơn, nhất là với độc giả “không chuyên nghiệp” trong giai đoạn đầu làm quen với nhà văn ngoại quốc.

Bản dịch *Tầng đầu địa ngục* của Hải Triều do Đất Mới ấn hành năm 1973 dày 674 trang được chuyển ngữ qua bản tiếng Anh *The First Circle* của Thomas P. Whitney là bản đã được lược bớt. Dịch giả trình bày lí do chọn hình thức này:

Trong *The First Circle* có quá nhiều nhân vật không liên lạc gì đến cốt truyện. Với mục đích làm cho cốt truyện được đúc kết hơn, có liên lạc hơn, chúng tôi đã lược bỏ một số trang. Việc lược bỏ của chúng tôi chỉ làm cho tác phẩm thêm trong sáng, chặt chẽ, cốt truyện vẫn còn nguyên, những nhân vật chính vẫn có đủ mặt. Giá trị văn chương của *The First Circle*, qua bản dịch của chúng tôi, theo chúng tôi nghĩ, chỉ có tăng chứ không giảm. [...] khi chuyển ngữ một tác phẩm tiểu thuyết ngoại ngữ sang tiếng Việt, đôi khi việc lược bỏ vài đoạn không liên hệ đến cốt truyện là việc làm cần thiết và hợp lí. (Hải Triều, 1973, tr. 3).

Hiện tượng lược bớt có thể quan sát không nhiều thì ít trong một số bản dịch nữa. Ở đây chúng tôi chỉ nêu thêm trường hợp bản dịch *Anh em nhà Karamazov* của Vũ Đình Lưu. Trên đại thể, ông dịch đủ 12 chương và *Đoạn kết*, nhưng trong tất cả các chương nhiều đoạn đã bị lược bỏ, kể cả những đoạn bộc lộ rõ rệt tư tưởng cũng như văn phong của Dostoievsky. Chúng tôi ngờ rằng việc lược dịch đã xảy ra ngay từ bản trung gian tiếng Pháp của Henri Mongault. Ở Pháp hồi cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX rất thịnh hành lối lược dịch và chắt chiu lại văn của các tác giả Nga, nhất là của Dostoievsky mà người Pháp than phiền là chẳng chít, không sáng rõ. Dostoievsky tuy thường diễn đạt dài dòng nhưng lại là tác gia khó có thể lược dịch được. S. Zweig nhận thấy “sự nghèo đi” của tác phẩm Dostoievsky khi bị lược dịch ở Pháp, vì theo ông, nhân vật của Dostoievsky được hình thành “không phải bằng những cử chỉ thấy được mà bằng hàng ngàn dấu hiệu nhỏ nhặt”, nên lược sẽ xảy ra “một cái gì đó bị phá hủy mà không thể thay thế được, một vòng ma thuật đã bị bẻ gãy” (Zweig S, 1996, tr. 830). Và chẳng việc lược dịch cũng cần phải tuân theo một nguyên tắc nhất định. Trong bất cứ trường hợp nào cũng không nên bỏ đi những từ ngữ, đoạn văn quan trọng mà ở đó nhà văn thể hiện quan điểm tư tưởng cũng như phong cách riêng biệt của mình. Bản dịch phải trung thành với nguyên tác về cả nội dung

tư tưởng lẫn văn phong, nếu không sẽ không còn là bản dịch nữa mà là phóng tác hoặc sáng tác mới.

- **Dịch trích đoạn**

Hình thức này gắn bó với hoạt động báo chí, phù hợp với khuôn khổ tập san, tạp chí, giai phẩm, thích hợp loại độc giả quen đọc nhật trình, cũng là hình thức ban đầu làm quen bạn đọc với nhà văn ngoại quốc. Trong các loại dịch thuật được kể ở trên thì đây là hình thức xuất hiện sớm nhất và có mặt trong suốt quá trình tồn tại của ngành tạp chí miền Nam. *Người máy bối rối* đăng trên *Giai phẩm Văn* số 02/5/1973 là một trong những tác phẩm Nga được giới thiệu cuối cùng dưới hình thức này.

Có hai hình thức đăng trích dịch: một là, giới thiệu trong một kì báo như một tiểu phẩm có cốt truyện tương đối độc lập; hai là, đăng lần lượt trong nhiều kì để giới thiệu dần một tác phẩm dài hơi. Các đoạn được chọn khá là tiêu biểu cho nội dung và văn phong của nhà văn, để qua đó độc giả có thể hình dung được nhiều điều cốt lõi. Ví dụ như đoạn trích *Trong tù* ở *Giai phẩm Văn* số 15/11/1972 là đoạn cuối *Tội ác và Hình phạt* của Dostoevsky, hay *Người máy bối rối* trong *Giai phẩm Văn* số 02/5/1973 là chương 27 *Tảng đầu địa ngục* của Solzhenitsyn.

**2.4. Chất lượng một số bản dịch**

Theo nhận định của chúng tôi, trong số dịch phẩm Nga ở miền Nam 1954-1975 không ít bản đạt **chất lượng cao**. Đó là những sản phẩm lao động nghiêm cẩn của Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Hữu Hiệu, Giản Chi, Diễm Châu, Mặc Đỗ, Thạch Chương, Trần Lương Ngọc, Nguyễn Văn Sơn... Dịch giả truyện *Ngôi nhà nhỏ của Matryona* thấy mình đang “dấn thân vào một cuộc mạo hiểm, mà hậu quả tệ hại nhất là có thể mình sẽ phản bội một tác giả mà mình yêu thích đến độ muốn cho mọi người cũng yêu thích như mình” (Nguyễn Văn Sơn, 1974, tr. 3).

Phải nói rằng Nguyễn Văn Sơn đã thực hiện được điều ước muốn ấy: với một văn phong trong sáng, cách phiên vừa sát nghĩa vừa uyển chuyển, bản dịch đã làm người đọc rung động thật sự, cảm thấy như đang được tiếp xúc với chính nguyên tác. Tương tự như thế, chúng tôi đánh giá cao chất lượng bản dịch *Hồi ký viết dưới hầm* của Thạch Chương (một bút danh của nhạc sĩ Cung Tiến), *Chiến tranh và Hòa bình* của Nguyễn Hiến Lê, *Một ngày trong đời Ivan Denisovich* của Thạch Chương và Trần Lương Ngọc, *Câu chuyện mùa đông* (Abram Tertz) của Diễm Châu...

Bản dịch *Chiến tranh và Hòa bình* của Nguyễn Hiến Lê được người đương thời cũng như sau này đánh giá cao, ví dụ như ý kiến của *Văn* số 128 (1969) khi giới thiệu bản dịch, hay như nhận định của Châu Hải Quỳnh trong cuốn biên khảo *Nguyễn Hiến Lê – cuộc đời và tác phẩm* (1993). Nguyễn Hiến Lê cho biết, để hoàn tất bản dịch, ông mất một năm rưỡi với nhịp độ làm việc đều đặn, cần mẫn. Ông so sánh tỉ mỉ 4 bản dịch (3 bản tiếng nước ngoài và 1 bản tiếng Việt của Nhà xuất bản Văn hóa ở Hà Nội).

Với việc du nhập ồ ạt sách ngoại xã hội miền Nam trước 1975 tràn ngập những loại sách dịch nhanh, dịch ẩu. Dịch phẩm Nga tất nhiên cũng không nằm ngoài thực trạng này, nhiều bản dịch Nga cần được kiểm định lại chất lượng, nhất là khi cần nhắc cho tái bản.

Khi khảo sát các bản dịch Dostoievsky chúng tôi thấy nhiều chỗ diễn đạt tối nghĩa hoặc không phù hợp với nghĩa trong nguyên tác, cần phải bàn lại.

Dostoievsky là một nhà văn không dễ dịch. Các bản Việt ngữ phiên qua bản Pháp ngữ không hiếm khi bị tia sót, trau chuốt lại, làm rơi rớt văn phong, nhịp điệu và trọng tâm ý tưởng trong nguyên tác. Có thể quan sát điều đó ở nhiều đoạn trong các bản dịch *Tội ác và Hình phạt* của Lý Quốc Sinh, Vũ Đình Lưu. Trước hết là dịch không thoát ý.

- “Твоя до гроба” – Trương Đình Cử dịch: “Mẹ của con cho đến khi nhắm mắt” (Trong khi đó người Việt Nam thường nói “mãi yêu con”, “yêu con suốt đời”).

- “После меня – хоть потоп!” (Après moi le déluge!), nghĩa là “Sau ta thì đại hồng thủy cũng mặc” – Vũ Đình Lưu dịch: “Sau tôi là trận hồng thủy”.

Có nhiều trường hợp dịch giả đã vô tình chuyển ý chính của câu văn sang một từ khác, làm cho sắc thái biểu cảm thay đổi. Ví dụ: “Петр Петрович [...] **кажется, доброво**”, как замечает сама Дунечка. Это **кажется** всего великолепно! И эта же Дунечка за это же **кажется** за муж идёт! Великопно! Великопно!” (Преступление и наказание, с.43). (“Piot’r Pet’rovitr [...] **hình như** cũng đôn hậu, như bản thân Dunia nhận xét. **Cái hình như** này nghe mới tuyệt chứ! mà chính cô Dunia nhà ta lại sắp kết hôn với **cái hình như** đó! Tuyệt vời chưa! Đến là tuyệt vời chưa!”). Trong bản dịch của mình Trương Đình Cử đã tẩy mất từ **кажется (hình như)** ấy đi, thay bằng từ lặp khác, ít mang sắc thái mỉa mai hơn. Ông dịch: “Pierre Petrovitch [...] **tốt bụng**, như cô em Dunia đã để ý nhận xét. **Cái tốt bụng** thật đáng phục, đáng phục thật! Chính vì **cái tốt bụng** đó mà cô Dunia nhà ta sắp sửa thành hôn! Đáng phục! Đáng phục thật!” (tr. 101).

Dostoievsky có nhiều cách thức thể hiện nhịp điệu câu văn. Ở đây chỉ nêu vai trò của hệ thống *đại từ* làm nên nhịp điệu. Dostoievsky yêu thích dùng đại từ hơn bất cứ một nhà văn nào khác. Việc lặp đại từ như một sự chệch chuẩn của văn bản nghệ thuật đã trở thành một trong những nét đặc biệt của thi pháp Dostoievsky, là một trong những phương thức tạo nên nhịp điệu của câu văn. Trong bất cứ tác phẩm nào của ông, ở một chương, một trang, thậm chí ở một dòng, dễ dàng thấy đại từ chen chúc, xô lấn nhau với mật độ dày đặc. Chúng tham gia vào chức năng cấu âm, tạo tiết tấu của dòng văn. Khi dịch Dostoievsky, Lý Quốc Sinh và Trương Đình Cử không hiếm khi lược mất những từ lặp mang chức năng cấu âm, tạo nhịp điệu ấy.

Với cách chuyển dịch của Thế Phong trong bản *Maiakovski – thi sĩ Nga hay mối tình câm của nàng* độc giả thật khó hình dung về cách tân trong của nhà thơ Vĩ Lai Nga hàng đầu. Ngay nhan đề bản trường ca nổi tiếng *Облока в итанах* (Đám mây mặc quần) cũng bị phiên thành *Mây quần hội* – một nhan đề không dính dáng đến dụng ý “vị lai” của nguyên tác. Chưa nói đến hiệu lực âm thanh và các hình ảnh phóng đại có khả năng

đập vào thị giác người đọc là đặc điểm nổi bật của thơ Maiakovsky, là điều khó chuyển dịch được ngay trong những bản dịch thành công nhất. Ở đây, chỉ nói đến cái dễ nhìn ra hơn là ý nghĩa nổi của con chữ trên văn bản, mà bản dịch của Thế Phong vẫn sai, thậm chí trái nghĩa với nguyên tác<sup>2</sup>.

Ngôn ngữ thơ ca vốn đầy tính tượng trưng và đa nghĩa, cho phép mở rộng trường liên tưởng và ý nghĩa của văn bản. Thế Phong một cách “đọc” lạ, đó là nhìn thấy sự phản kháng của người nghệ sĩ đang sống “sau bức màn sắt”. Cách “đọc” đó được coi là khả thể nếu văn bản thật sự biểu hiện ý nghĩa ấy. Đọc từng đoạn cũng như toàn bộ văn bản thơ dịch trong *Maiakovsky – thi sĩ Nga hay mối tình cam của nàng*, độc giả lĩnh hội được một tinh thần phản kháng của Maiakovsky đối với chính quyền – điều mà thực ra không thấy ở sáng tác của ông nói chung và trong những bài thơ được Thế Phong dịch nói riêng. Càng về cuối đời Maiakovsky càng thất vọng vì “vấp đời phàm tục” trong lí tưởng phục vụ xã hội cũng như trong nhiều mối quan hệ cá nhân, tinh thần phê phán của ông đối với những bất cập của đời sống càng trở nên sâu sắc, chua chát hơn, nhưng bảo đó là sự phản kháng chế độ Xô-viết thì quyết không phải. Maiakovsky từ ngày đầu đến với cách mạng XHCN cho đến phút cuối nghiệt ngã của cuộc đời, vẫn thề nguyện dành toàn vẹn con người và thơ ca mình “tận trang cùng dòng cuối” cho “vô sản của hành tinh”.

Qua những quan sát nêu trên, chúng ta thấy hiện lên một diện mạo văn học Nga phức tạp và lí thú. Phức tạp và lí thú ở cả số lượng lẫn chất lượng bản dịch, cả ở cách thức dịch thuật lẫn cách “đọc” văn bản của người dịch. Chắc sẽ còn nhiều cách bình giá khác nhau về hiện tượng này. Ở đây chúng tôi chỉ ghi nhận ấn tượng ban đầu về một cách tiếp nhận văn học khá là dân chủ để dẫn đến một kết quả là chỉ trong vòng gần 20 năm, trong điều kiện chiến tranh, miền Nam Việt Nam đã tạo dựng được một nền văn học Nga tuy không toàn diện nhưng khá phong phú và sinh động, bằng cách đó, đã lưu giữ được một phần di sản quý giá của nhân loại. Và, về phía mình, bằng cách tiếp nhận văn học nước ngoài trong đó có văn học Nga, đô thị miền Nam cũng ghi lại được dấu tích một thế hệ người đọc của một thời kì đặc biệt trong văn học Việt Nam thế kỉ XX.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

<sup>2</sup> Năm 2003 bản dịch này được NXB Tổng hợp Đồng Nai tái bản, tuy được sửa chữa và bổ sung, nhưng những chỗ sai ý tứ câu thơ vẫn giữ nguyên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Hữu Khải. (1961). Kịch nghệ Nga-sô, *Đại học*, số 4.
- Nguyễn Hiến Lê. (01/3/1961). So sánh ngành xuất bản ở Pháp và ở Việt Nam hiện nay. *Bách khoa*, số 100.
- Nguyễn Hiến Lê. (1969). “Lời giới thiệu” trong *Chiến tranh và Hòa bình* (L. Tolstoy). Sài Gòn: NXB Lá Bối.
- Nguyễn Hiến Lê. (1993). *Hồi kí Nguyễn Hiến Lê*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Lời Tòa soạn. (01/1959). *Tạp chí Phổ thông*, số 5. Sài Gòn.
- Lời Tòa soạn. (1964). *Tạp chí Văn*, số 5, số chuyên đề văn học Nga. Sài Gòn.
- Nguyễn Ngọc Minh. (1973). “Ghi chú của dịch giả” trong *Lũ người quỷ ám*. Sài Gòn: NXB Nguồn Sáng.
- Đình Đắc Phúc. (1973). Thay lời giới thiệu trong *Là bóng hay là hình*. Sài Gòn: NXB Đất Sống.
- Nguyễn Văn Sơn. (1974). Lời giới thiệu trong *Ngôi nhà nhỏ của Matriona*. Sài Gòn: NXB Trẻ.
- Hải Triều (1973). Thay lời giới thiệu *Tầng đầu địa ngục*, Sài Gòn: NXB Đất Mới.
- Phạm Thị Phương. (2010). *Văn học Nga tại đô thị miền Nam 1954-1975* (Sách chuyên khảo). TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
- Dostoievski F. (1965). *Tội ác và Hình phạt*. Trương Đình Cử dịch. Sài Gòn: NXB Nguyên Lực.
- Dostoievski F. (1973). *Tội ác và Hình phạt*. Lý Quốc Sinh dịch. Sài Gòn: NXB Nguồn Sáng.
- Elsa, T. (1963). *Maiakovski thi sĩ Nga hay là mối tình câm của nàng*. Thế Phong dịch. Sài Gòn: NXB Đại Nam Văn Hiến.
- Maiakovski V. (1987). *Trường ca*. Hoàng Ngọc Hiến dịch, Hà Nội: NXB Văn học.
- Solzhenitsyn A. (1973). *Tầng đầu địa ngục*. Sài Gòn: NXB Đất Mới.
- Zweig, S. (1996). *Ba bậc thầy: Dostoievski, Banzac, Dickens*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Достоевский Ф. (1984). *Преступление и наказание*. “Русский язык”, Москва.
- Маяковский В. (1987). *Сочинения в двух томах*. Москва: Издательство Правда.